

Bản án số: 17/2021/DS-ST

Ngày: 29/6/2021

*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và ông Nguyễn Mạnh Tiến.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên toà: Ông Dương Đức Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST – DS ngày 26 tháng 7 năm 2013 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng A- Chi nhánh Y - Phòng giao dịch Ngân hàng T, tỉnh Phú Yên.**

*** Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:** ông **Nguyễn Thành T** – sinh năm 1978, chức vụ: Phó giám đốc; Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị K** - sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên. có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà **Hồ Thị Kim H** – sinh năm 1967; Địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Căn cứ danh sách đề nghị vay vốn tại Ngân hàng A- Phòng giao dịch ngân hàng T của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 07/12/2007. Ngày 14/12/2007, Ngân hàng A- Phòng giao dịch ngân hàng T, tỉnh Phú Yên, đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị K vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), theo sổ vay vốn số 550452, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, thời hạn trả nợ ngày 05/12/2010. Hình thức cho vay ủy thác qua Hội Phụ nữ xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên.

Đến hết thời hạn trả nợ, bà Nguyễn Thị K đã trả được 7.000.000đ, Phòng giao dịch T đã kéo dài thời hạn trả nợ thêm 12 tháng đến ngày 05/12/2011 bà K vẫn không trả nợ. Ngày 30/12/2011, Ngân hàng đã chuyển số tiền 13.000.000đ sang nợ quá hạn. Đến ngày 20/8/2019, bà K đã trả thêm cho Ngân hàng 6.500.000.

Hiện tại bà K còn nợ gốc là 6.500.000đ và lãi quá hạn tính từ thời điểm Ngân hàng chuyển nợ quá hạn đến ngày hôm nay (29/6/2021) là 16.655.388đ.

Vì vậy yêu cầu Tòa án buộc bà K phải trả nợ gốc 6.500.000đ và nợ lãi tính đến ngày 29/6/2021 là 16.655.388đ.

Theo tài liệu có tại hồ sơ bà Nguyễn Thị K trình bày: Bởi vì số lượng hộ đi vay nhiều nhưng số tiền giải ngân không đủ nên sau khi nhận giải ngân 20.000.000đ, bà Huỳnh Thị H1 (tổ trưởng tổ vay vốn); ở địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên tự ý chia cho bà 10.000.000đ và đưa cho bà Hồ Thị Kim H; ở địa chỉ: thôn H, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, số tiền 10.000.000đ. Bà và bà H đã trả cho ngân hàng 7.000.000đ (trong đó bà trả 3.500.000đ, bà H trả 3.500.000đ) thông qua sổ vay vốn của bà. Còn số tiền nợ 13.000.000đ (bà có trách nhiệm trả 6.500.000đ, bà H có trách nhiệm trả 6.500.000đ). Bà đã trả 6.500.000đ cho ngân hàng thông qua bà H1. Ngày 20/8/2019, bà H1 đã trả Phòng giao dịch T thay cho bà 6.500.000đ. Còn lại 6.500.000đ mà ngân hàng yêu cầu bà phải trả nợ gốc, số tiền này bà H có trách nhiệm trả cho ngân hàng chứ bà không đồng ý trả.

Còn nợ lãi mà ngân hàng yêu cầu bà không đồng ý trả vì thực tế bà đã trả hết tiền gốc và lãi cho ngân hàng thông qua bà H1.

Vì điều kiện khó khăn, lo lao động làm ăn nên bà không đến Tòa án thường xuyên được. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt bà tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 465 và Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phòng giao

dịch huyện T buộc bà Nguyễn Thị K phải trả cho Phòng giao dịch ngân hàng T số tiền vay 6.500.000đ và lãi suất tính đến ngày xét xử 29/6/2021: 16.655.388. Bà K có quyền khởi kiện yêu cầu bà H trả số nợ này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A – Chi nhánh Ngân hàng Y - Phòng giao dịch Ngân hàng T, tỉnh Phú Yên khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả tiền vay tài sản. Bị đơn hộ khẩu tại huyện A, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn tiền vay 6.500.000đ và lãi tính đến ngày xét xử. Đây là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng T và bà K có hợp đồng vay tài sản theo sổ vay vốn 550452. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà K trả nợ gốc 6.500.000đ và lãi tính đến ngày xét xử (29/6/2021) là 16.655.388đ (trong hạn 819.000đ, lãi quá hạn 15.836.388đ). Bà K có vay của Ngân hàng nhưng không trả nợ theo thời hạn là xâm phạm đến quyền lợi của Ngân hàng. Vì vậy Phòng giao dịch Ngân hàng T khởi kiện là có căn cứ.

Xét trình bày của bà K tại phiên hòa giải: Việc bà K trình bày số tiền 6.500.000đ mà ngân hàng yêu cầu thì bà H là người có trách nhiệm trả nợ vì sau khi vay số tiền đã được chia đôi cho bà và bà H, Hội đồng xét xử thấy, bà Đỗ Thị Thu T đã bị xét xử hình sự về tội “Lừa đảo, chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo bản án số 02/2019/HS-PT, ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Tại bản án có tuyên bà T phải có trách nhiệm trả lại cho bà Hồ Thị Kim H 6.500.000đ. Vì vậy bà H có quyền yêu cầu thi hành án đối với bà T. Bà K có quyền khởi kiện bà H bằng vụ kiện dân sự khác. Còn tại sổ vay vốn số 550452 thể hiện dư nợ quá hạn 6.500.000đ, lãi suất 0,9%, lãi suất nợ quá 1,17%. Sổ

vay không thể hiện việc bà K đã trả tiền vay của Ngân hàng. Vì vậy bà K phải có trách nhiệm trả nợ.

Từ các chứng cứ trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà K phải có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng T nợ gốc 6.500.000đ và lãi suất tính đến ngày 29/6/2021 là 16.655.388đ. Tổng cộng **23.655.388đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi tám đồng)**.

* Về án phí: Phòng giao dịch Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: $23.655.388đ \times 5\% = 1.182.769đ$ (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A – Chi nhánh Y - Phòng giao dịch Ngân hàng T, tỉnh Phú Yên đối với bị đơn bà Nguyễn Thị K. Buộc bà K có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng T, tỉnh Phú Yên **23.655.388đ (Hai mươi ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi tám đồng)**, trong đó: nợ gốc 6.500.000đ và lãi suất tính đến ngày 29/6/2021 là 16.655.388đ.

Bà Nguyễn Thị K có quyền khởi kiện bà Hồ Thị Kim H bằng vụ kiện dân sự khác.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí: Phòng giao dịch Ngân hàng T, tỉnh Phú Yên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Phòng giao dịch **392.000đ (Ba trăm chín mươi hai nghìn**

đồng) tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2010/05735 ngày 26/7/2013 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tuy An.

Bà Nguyễn Thị K phải chịu **1.182.769đ (Một triệu một trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng)** án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh (1)
- VKSND h. Tuy An (2)
- THADS h. Tuy An (1)
- Dương sự (3)
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương